

TRUNG TÂM ĐIỀU PHỐI QUỐC GIA
VỀ GHÉP BỘ PHẬN CƠ THỂ NGƯỜI
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

Số: 14 /TB-HĐTD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO

**Kết quả kiểm tra, sát hạch vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức năm 2025 của
Trung tâm Điều phối Quốc gia về ghép bộ phận cơ thể người**

Thực hiện kế hoạch xét tuyển viên chức tại Công văn số 1598/BYT-TCCB ngày 20/3/2025 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch xét tuyển viên chức năm 2025 của Trung tâm Điều phối Quốc gia về ghép bộ phận cơ thể người.

02 ngày 03-04/7/2025, Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025 của Trung tâm Điều phối Quốc gia về ghép bộ phận cơ thể người đã tổ chức thực hiện kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn vòng 2 đối với 66 thí sinh đăng ký dự tuyển vào các vị trí việc làm của Trung tâm.

Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2023 của Trung tâm Điều phối Quốc gia về ghép bộ phận cơ thể người thông báo kết quả kiểm tra, sát hạch vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức năm 2025 (theo danh sách kèm theo).

Lưu ý: Trung tâm không thực hiện phúc khảo đối với kết quả thi vòng 2 bằng hình thức phỏng vấn (theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 15, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP).

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Đăng tại Website của Trung tâm;
- Ban Giám đốc Trung tâm (để b/cáo);
- Lưu: VT, HSXTVC.

**TM.HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH**



★ **Đông Văn Hệ**

TRUNG TÂM ĐIỀU PHỐI QUỐC GIA
VỀ GHÉP BỘ PHẬN CƠ THỂ NGƯỜI
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG



**TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2025
CỦA TRUNG TÂM ĐIỀU PHỐI QUỐC GIA
VỀ GHÉP BỘ PHẬN CƠ THỂ NGƯỜI**

(Kèm theo Thông báo số 1.1/TB-HĐTD ngày 11 tháng 7 năm 2025)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Vị trí tuyển dụng	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
			Nam	Nữ				
1.	01	Phạm Hiếu Ngân		22/3/2001	Quản lý nguồn nhân lực	58		58
2.	02	Lê Thị Phương Thảo		9/7/1998	Quản lý nguồn nhân lực	61.5		61.5
3.	03	Nguyễn Đức Nam	29/7/1976		Quản lý nguồn nhân lực	59		59
4.	04	Nguyễn Minh Hiền		13/2/1999	Quản lý nguồn nhân lực	46		46
5.	05	Nguyễn Thị Thu Hiền		17/6/2000	Quản lý nguồn nhân lực	72.2		72.2
6.	06	Đặng Hoàng An	31/10/2000		Quản lý nguồn nhân lực	Bỏ thi		Bỏ thi
7.	07	Lê Văn Đức	19/5/1999		Quản lý nguồn nhân lực	53.2		53.2
8.	08	Nguyễn Hồng Nhung		19/2/1999	Hành chính văn phòng	Bỏ thi	5	Bỏ thi
9.	09	Trần Thị Oanh		28/10/1998	Hành chính văn phòng	70.3		70.3
10.	10	Lừ Văn Chiến	2/12/1997		Hành chính văn phòng	63	5	68
11.	11	Vũ Ngọc Diệp		2/10/2002	Hành chính văn phòng	57.3		57.3



12.	12	Đặng Quỳnh Châu		29/12/1991	Hành chính văn phòng	Bỏ thi		Bỏ thi
13.	13	Triệu Minh Long	19/3/1996		CNTT (hạng 3)	61.3		61.3
14.	14	Đông Duy Sơn	24/3/1984		CNTT (hạng 3)	46.7		46.7
15.	15	Phan Phương Thảo		9/8/2000	Pháp chế	59.5		59.5
16.	16	Vũ Thị Thu Huyền		4/12/1988	Pháp chế	70		70
17.	17	Vàng Thị Quỳnh		16/8/2001	Pháp chế	56	5	61
18.	18	Nguyễn Đức Việt	30/10/1999		Pháp chế	77		77
19.	19	Nguyễn Diệu Linh		14/9/2002	Pháp chế	Bỏ thi		Bỏ thi
20.	20	Bế Thị Mai		2/3/2001	Pháp chế	47.7	5	52.7
21.	21	Phùng Thị Hường		28/9/2001	Pháp chế	60.7		60.7
22.	22	Nguyễn Mai Hà		8/11/2002	Pháp chế	65.3		65.3
23.	23	Phạm Khánh Linh		25/10/2002	Truyền thông	50		50
24.	24	Nguyễn Huy Hoàn	10/7/1983		Truyền thông	79.8		79.8
25.	25	Lã Cẩm Giang		8/9/2001	Truyền thông	70		70
26.	26	Nguyễn Huy Minh	3/10/1983		Truyền thông	83.3		83.3
27.	27	Bùi Thị Thanh Loan		11/2/1983	Truyền thông	76.8		76.8
28.	28	Đông Thị Thu Hương		20/3/1989	Truyền thông	57		57
29.	29	Phạm Khánh Linh		11/10/1996	Truyền thông	74.7	5	79.7

Y
XUNG
PHỐI
HỢP
Ở THỂ

[Handwritten signature]

30	30	Bùi Thị Tuyết Trinh		23/11/2000	Truyền thông	Bỏ thi		Bỏ thi
31	31	Trần Quỳnh Anh		1/2/1993	Truyền thông	54.7		54.7
32	32	Đỗ Thị Nhung		18/7/1997	Truyền thông	78.5		78.5
33	33	Phạm Minh Trang		3/7/2000	Hợp tác Quốc tế	44.1		44.1
34	34	Nguyễn Phương Oanh		01/12/2001	Hợp tác Quốc tế	78.7		78.7
35	35	Phạm Vân Anh		8/6/2000	Hợp tác Quốc tế	Bỏ thi		Bỏ thi
36	36	Phạm Việt Anh	23/12/2002		Hợp tác Quốc tế	56		56
37	37	Phạm Thị Oanh		19/1/1988	Hợp tác Quốc tế	58.7		58.7
38	38	Phạm Hồng Liên		12/3/1994	Hợp tác Quốc tế	Bỏ thi		Bỏ thi
39	39	Nguyễn Hà Yên Nhi		2/12/2000	Hợp tác Quốc tế	Bỏ thi		Bỏ thi
40	40	Trần Bảo Ngọc		5/12/1991	Nghiên cứu viên	67.8		67.8
41	41	Đoàn Thị Cẩm Anh		7/7/1999	Nghiên cứu viên	63.3		63.3
42	42	Nguyễn Thị Bảo Yên		26/7/1993	Kế toán	63.3		63.3
43	43	Đào Thị Lan Anh		30/10/1995	Kế toán	49.3		49.3
44	44	Nguyễn Thị Ngọc		20/6/1985	Kế toán	62.2		62.2
45	45	Lê Thị Bích Ngọc		26/8/2002	Kế toán	51.7		51.7
46	46	Đỗ Thị Hà		29/8/1992	Kế toán	48.3		48.3
47	47	Lê Thị Nhật		7/7/1992	Kế toán	84		84
48	48	Hoàng Thị Thà		25/9/1980	Kế toán	Bỏ thi		Bỏ thi
49	49	Bùi Văn Tuấn	24/12/2002		Công tác xã hội	33		33



M C GI PHẠ ĐƯỜI

[Handwritten signature]

50.	50	Hoàng Thị Linh		6/3/2002	Công tác xã hội	78		78
51.	51	Bùi Thuỳ Dương		2/9/2002	Công tác xã hội	49.3		49.3
52.	52	Trương Mỹ Hoa		10/4/2002	Công tác xã hội	65.7		65.7
53.	53	Nguyễn Thị Thu Trang		14/8/1998	Công tác xã hội	70		70
54.	54	Nguyễn Thu Vân		8/7/2001	Công tác xã hội	61.3		61.3
55.	55	Nguyễn Trung Hiếu	30/4/1999		Công tác xã hội	58		58
56.	56	Đinh Hà Thu		11/3/2002	Công tác xã hội	50.5		50.5
57.	57	Huỳnh Ngọc Thiện	02/7/2001		Công tác xã hội	66.8		66.8
58.	58	Vũ Duy Trung	26/3/1996		Công tác xã hội	65.3	2.5	67.8
59.	59	Đỗ Thị Diệu Linh		30/4/2001	Công tác xã hội	81.2		81.2
60.	60	Lê Thị Thu Phương		23/2/1997	Công tác xã hội	47.2		47.2
61.	61	Đỗ Thị Huyền Trang		13/8/1993	Công tác xã hội	Bỏ thi		Bỏ thi
62.	62	Đỗ Thị Thư		15/6/1995	Công tác xã hội	54		54
63.	63	Khổng Thị Thu Hằng		20/01/1988	Công tác xã hội	79.7		79.7
64.	64	Lê Thị Thảo		25/11/1990	Bác sĩ Y học dự phòng	81.2		81.2
65.	65	Đinh Thị Liên		5/3/1995	Bác sĩ Y học dự phòng	62.8		62.8
66.	66	Nguyễn Thị Duyên		9/7/1989	Bác sĩ Y học dự phòng	75	5	80

Handwritten signature